

VỊ TRÍ CHIẾN LƯỢC CỦA VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC*

CƯ HOÀ VẤN

Nước Việt Nam là một quốc gia thống nhất đa dân tộc. Đại gia đình các dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau để bảo vệ và xây dựng đất nước trong suốt quá trình hàng nghìn năm lịch sử.

Hiện nay, các dân tộc thiểu số của nước ta chiếm khoảng 14% dân số cả nước, phần lớn lại sinh sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. Đây là địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế, an ninh, quốc phòng và còn có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề môi trường sinh thái. Tuy nhiên, trong những năm qua, các yếu tố lịch sử và điều kiện tự nhiên vẫn còn nhiều tác động, dẫn đến sự phát triển không đều giữa các dân tộc và các vùng.

Xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Đảng và Nhà nước ta đặt vấn đề dân tộc ở vị trí chiến lược và công tác dân tộc là một bộ phận quan trọng của Cách mạng Việt Nam. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã xây dựng chính sách *Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc*, để cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc. Thực hiện chính sách nhất quán đó, trong bảy thập kỷ qua, Đảng ta đã động viên được sức mạnh to lớn của đồng bào các dân tộc, dẫn tới hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và tiếp tục xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhìn lại sự phát triển kinh tế- xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian qua, chúng ta thấy được những thành tựu cơ bản sau đây:

1. Xây dựng cơ sở hạ tầng

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng đã được tiến hành trên diện rộng, đều khắp ở các vùng dân tộc thiểu số. Đây là điều kiện vật chất cần thiết để thu hẹp khoảng cách giữa các vùng dân tộc.

- *Về điều kiện sản xuất*: Đã kiến tạo hàng triệu ha ruộng, nương bậc thang để sản xuất lương thực, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi theo thế mạnh của mỗi vùng. Hệ thống thuỷ lợi được phát triển mạnh, ở nhiều nơi kênh mương đã và đang được kiên cố hoá. Canh tác nông nghiệp từ chỗ chủ yếu phải nhờ nước trời hoặc từ nước của những công trình thuỷ lợi nhỏ, đơn giản, nay đã được tưới tiêu bằng công trình xây dựng kiên cố, đem lại hiệu quả rõ rệt. Đến nay, có 60-90% diện tích canh tác ở vùng dân tộc thiểu số được tưới tiêu bằng thuỷ lợi.

- *Giao thông*: Đến năm 2000, các tỉnh Tây Nguyên không những có đường ô tô đến trung tâm xã mà còn đến phần lớn các buôn, làng. Các tỉnh phía Bắc với địa hình khó khăn như Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang cũng có đường ô tô đến khắp các xã trong tỉnh. Có huyện vùng cao, núi non hiểm trở như Điện Biên Đông (Lai Châu), Si Ma Cai (Lào Cai) cũng có đường ô tô đến tất cả các xã trong huyện vào mùa khô. Phần lớn các huyện đã có đường nhựa đến khu vực trung tâm.

- *Giáo dục*: Trường phổ thông đã được xây dựng đều khắp ở tất cả các xã; nhiều xã, huyện vùng cao đã có trường tiểu học hoàn chỉnh. Trường phổ thông dân tộc nội trú đã được xây dựng thành hệ thống với 43 trường tỉnh, 190 trường huyện rất khang trang. Hàng vạn con em dân tộc thiểu số đến học ở

các trường này được Nhà nước bảo trợ hoàn toàn, với mục đích đào tạo cán bộ cho vùng dân tộc.

- *Y tế*: 100% số xã ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số đã có trạm y tế xã; 83,2% đã được xây dựng kiên cố, 69% số trạm có đủ trang thiết bị. Hệ thống khám chữa bệnh từ tỉnh đến huyện được xây dựng, mở rộng, cơ bản đã đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khoẻ của đồng bào các dân tộc.

- *Về điện*: Điện lưới đã tới được trên 99% số huyện (vì có huyện mới tách) và trên 60% số xã. Nhiều huyện vùng sâu, vùng xa, với địa hình hiểm trở như Điện Biên Đông (Lai Châu), Pha Long (Lào Cai) v.v... cũng đã có điện lưới.

- *Bưu chính viễn thông*: Hầu hết các xã, kể cả ở vùng sâu, vùng xa đã có bưu điện văn hoá xã. Sơn La là tỉnh đầu tiên ở vùng dân tộc thiểu số có 100% số xã có máy điện thoại. Đầu năm 2001, bước vào thiên niên kỷ mới, đường dây điện thoại đã lên đến xã Lũng Cú, nơi cực Bắc của Tổ quốc.

- *Phát thanh, truyền hình*: Tình hình phát thanh và truyền hình ở vùng dân tộc thiểu số được đặt trong điều kiện chung của quốc gia : đến hết năm 2000, đã phủ sóng phát thanh được trên 90% và truyền hình đạt được trên 75% lãnh thổ. Các đài Trung ương cũng như địa phương đã có chương trình phát tiếng dân tộc thiểu số, thông tin kịp thời chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào dân tộc và phản ánh thành tựu kinh tế- xã hội, tình cảm, nguyện vọng của đồng bào tới các cơ quan và các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

- *Về Chương trình 135*: Trong hai năm gần đây, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn (gọi tắt là Chương trình 135) ra đời và đã nhanh chóng đi vào cuộc sống. Để thực hiện chương trình, Nhà nước đầu tư trực tiếp kinh phí cho đối

tượng được hưởng lợi ích nên đã tạo ra phong trào quần chúng sôi nổi ở vùng này. Một số trung tâm cụm xã được xây dựng thành những trung tâm chính trị, thương mại, giao lưu văn hoá, đã kích thích sản xuất hàng hoá, thực hiện xoá đói, giảm nghèo có hiệu quả rõ rệt, làm tăng thêm lòng tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Chuyển biến về cơ cấu kinh tế

Trên cơ sở được xây dựng và đầu tư, ở vùng đồng bào dân tộc, sản xuất từ chỗ chậm phát triển, tự cấp tự túc, đến nay đã hình thành nhiều vùng cây công nghiệp, cây ăn quả với quy mô lớn theo hướng sản xuất hàng hoá, có sản phẩm bán ra thị trường trong nước và xuất khẩu. Nhiều mô hình hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã sản xuất giỏi vươn lên làm giàu đã xuất hiện. Rừng được phục hồi nhanh hơn nên độ che phủ đã đạt 30%; có huyện như Na Hang (Tuyên Quang) đạt trên 60%. Đắc Lắc là tỉnh miền núi với nhiều dân tộc thiểu số, có mức thu nhập bình quân trên mức bình quân chung của cả nước. Xã Tân Châu, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng có 3 dân tộc là Cơ-ho, Sán Diu và Kinh, có thu nhập bình quân trên 600USD/người/năm, cao gấp 3 lần mức thu nhập bình quân khu vực nông thôn của cả nước. Ở đây, hầu hết nhà cửa được xây dựng kiên cố, trong đó có 20% số hộ đã được xây dựng khung trang như biệt thự, có đường ô tô đến tất cả các thôn bản và một số bản đã có đường nhựa với kinh phí do dân tự đóng góp.

3. Về đội ngũ cán bộ

Đội ngũ cán bộ trí thức dân tộc thiểu số đã hình thành và trưởng thành rõ rệt : tất cả các dân tộc đều có người là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, gần 50 dân tộc thiểu số có người tốt nghiệp cao đẳng và đại học.

Số cán bộ dân tộc thiểu số là Ủy viên Trung ương Đảng khoá VIII chiếm trên 8%, là Bí thư Tỉnh uỷ nhiệm kỳ 2001-2005 chiếm

14%, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chiếm trên 8%, Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 9,8%. Hầu hết cán bộ chủ chốt là dân tộc thiểu số từ cấp huyện trở lên đều có trình độ đại học, cán bộ chủ chốt ở cấp xã có trình độ cấp phổ thông cơ sở trở lên. Trong Quốc hội khoá X, số đại biểu là người dân tộc thiểu số chiếm 17,3%; còn đại biểu dân tộc thiểu số ở Hội đồng nhân dân các cấp chiếm tỉ lệ như sau: cấp tỉnh chiếm 18,2%, cấp huyện- 18,7%, cấp xã- 22,7% so với tổng số đại biểu dân cử ở mỗi cấp đó. Điều này đã thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong việc tham gia quản lý Nhà nước.

Những thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng trong những năm qua ở vùng dân tộc thiểu số đã đạt ba mục tiêu chủ yếu, được thể hiện trên các bình diện sau: *Xoá đói, giảm nghèo* xuống dưới mức 30% số hộ, *ổn định* và *cải thiện* đời sống cho đồng bào một cách rõ rệt, nhiều dịch bệnh như sốt rét, bấu cổ đã giảm xuống mức đáng kể, sức khoẻ nhân dân được chăm sóc tốt hơn; tỉ lệ các địa phương phổ cập giáo dục tiểu học, xoá mù chữ ngày càng tăng; bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc được giữ gìn và phát huy tốt hơn; xây dựng được đội ngũ cán bộ và đảng viên của các dân tộc vững mạnh; quốc phòng và an ninh được đảm bảo; khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng và các dân tộc được thu hẹp. Tuy nhiên, so với đồng bằng và một số nơi khác thì vùng dân tộc thiểu số còn khó khăn và tỷ lệ hộ đói nghèo vẫn còn cao.

Để phát triển hơn nữa về kinh tế-xã hội, thực hiện được các mục tiêu do Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đối với các dân tộc thiểu số, chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề cơ bản như sau:

1. Phát triển kinh tế- xã hội ở vùng dân tộc thiểu số phải tăng trưởng với tốc độ cao hơn mức bình quân chung của cả nước để

từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các dân tộc và các vùng, tiến tới bình đẳng giữa các dân tộc trên bình diện kinh tế, chính trị, xã hội...

2. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, trong đó chú trọng giữ gìn và làm giàu tiếng nói của mỗi dân tộc, phát triển văn học nghệ thuật các dân tộc...

Để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên, cần làm tốt các mặt công tác sau đây:

- Tiếp tục quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ ở vùng dân tộc thiểu số để đội ngũ này có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác tốt và có số lượng tỷ lệ thuận với dân số của các dân tộc.

- Phát huy dân chủ, thực hiện công khai, minh bạch các chương trình phát triển kinh tế- xã hội ở vùng này. Nhân dân được thông tin và giám sát chặt chẽ việc thực hiện chủ trương, chính sách và các chương trình, dự án.

- Phát huy tinh thần tự lực, tự cường của các dân tộc, củng cố vững chắc khối đoàn kết dân tộc, giúp đỡ nhau cùng phát triển và chống tư tưởng ỷ lại.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của Việt Nam. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc là sức mạnh để đảm bảo phát triển bền vững, nhằm đạt tới mục tiêu chung là : *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

(*) Nội dung chính của bài viết đã được đồng chí Cư Hoà Văn phát biểu tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4-2001).